

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ

Ngày: 30/11/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Lô.
2. Ông Nguyễn Hồng Phong.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa - tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà , sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông M xin vắng mặt, L vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nguyên đơn ông Bùi Văn M trình bày:* Vào năm 1972, ông M và bà Đặng Thị L chung sống như vợ chồng với nhau tại ấp 6, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa. Hai bên không đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết. Ông bà có 05 người con chung là Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm: 1974, Bùi Đức Thọ, sinh năm: 1976, Bùi Thị Đặng, sinh năm: 1978, Bùi Đăng Trường, sinh năm: 1980, Bùi Thị Quyên, sinh năm: 1982. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông bà đã khắc phục nhưng cho đến nay ông bà vẫn không cải thiện được tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không được đạt được nên ông M yêu cầu được ly hôn với L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà bà Đặng Thị L không có mặt và không có lời trình bày:*

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng L vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M. Ông Bùi Văn M được ly hôn với bà Đặng Thị L. Về con chung: đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Bùi Văn M và bà Đặng Thị L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống như vợ chồng của ông bà được Ủy ban nhân dân xã Nhị Thành xác nhận. Ngoài ra quá trình sống chung ông bà còn có 05 con chung, con lớn nhất sinh năm 1974. Do đó đây là hôn nhân thực tế được xác lập trước ngày 03/01/1987 theo quy định tại điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 nên được pháp luật bảo vệ. Nay ông M yêu cầu ly hôn, L đang cư trú tại ấp 6, xã T, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu ông M cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của ông M về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên L không có ý kiến hay phản đối nên HĐXX căn cứ vào lời trình bày do ông M cung cấp. Nhận thấy trong thời gian chung sống giữa ông M và L đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hằn hằn ông bà không còn sống chung từ năm 2017. Tòa án tiến hành hòa giải cho ông M L trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song L không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa L vắng mặt cho thấy bà không còn tha thiết với mối quan hệ hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông M L không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông M là phù hợp với khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:* Đã trưởng thành và không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét giải quyết.

*Tài sản chung, nợ chung:* Ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

*Về án phí:* Ông M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39 và 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn M đối với bà Đặng Thị L về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn M được ly hôn với bà Đặng Thị L

*Án phí:* Ông Bùi Văn M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007924 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Ông Bùi Văn M không phải nộp thêm án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự vắng mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Nhị Thành;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Hương